#### BỘ Y TẾ

#### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 908 /BYT-BH V/v hướng dẫn bổ sung thông tin thuốc và vật tư y tế để thực hiện tin học hóa BHYT

Hà Nội, ngày L tháng 2 năm 2016

#### Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- Các Bệnh viện/Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế
- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc các Bộ, ngành (Sau đây gọi tắt là các đơn vị)

Để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện Bộ mã danh mục dùng chung ban hành Quyết định số 5084/QĐ-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế, phục vụ trích xuất dữ liệu đáp ứng yêu cầu quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế, Bộ Y tế đề nghị Thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và tư nhân trên địa bàn thực hiện một số việc sau:

1. Lập danh mục thuốc (tân dược, y học cổ truyền và thuốc tự bào chế) và danh mục vật tư y tế thanh toán bảo hiểm y tế đang sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo cấu trúc tại Bảng 1, Bảng 2 của Phụ lục 1; việc mã hóa thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 kèm theo Công văn này.

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tổ chức khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại trạm y tế xã lập riêng danh mục thuốc và vật tư y tế thanh toán bảo hiểm y tế tại các trạm y tế xã theo hướng dẫn trên.

2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thống nhất Bảng 1, Bảng 2 với cơ quan Bảo hiểm xã hội và chuyển vào hệ thống quản lý danh mục dùng chung tại địa chỉ dmdc.csdlyt.vn theo hướng dẫn tại Phụ lục 3 kèm theo Công văn này.

Bộ Y tế đề nghị Thủ trưởng các đơn vị khẩn trương chỉ đạo, thực hiện, hoàn thành việc lập và chuyển Bảng 1 trước ngày 29/02/2016, Bảng 2 trước ngày 15/3/2016 vào hệ thống quản lý danh mục dùng chung tại địa chỉ nói trên.

Các khó khăn, vướng mắc phản ánh về Bộ Y tế (Vụ Bảo hiểm y tế) qua địa chỉ email: <a href="mailto:cnttbhyt@gmail.com">cnttbhyt@gmail.com</a>; số điện thoại liên lạc để hướng dẫn kỹ thuật: 01668587575./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiến (để b/c);
- BHXH Việt Nam (để phối hợp);
- Các Vụ, Cục: BHYT, KH-TC, CNTT, TTB&CTYT, YDCT, QLD, KCB;

- Luu: VT, BH.

KT. BO TRƯỞNG

Phạm Lê Tuấn

### PHŲ LŲC 1

# (Ban hành kèm theo Công văn số GOS /BYT-BH ngày LL/02/2016 của Bộ Y tế) BẢNG 1. CHỈ TIÊU THUỐC THANH TOÁN BHYT

ТТ	Tên trường	Định dạng (độ dài)	Chú thích
1	Stt	Số (6)	Số thứ tự của thuốc có trong danh mục này
2	ma_hoat_chat	Chuỗi	Ghi mã hoạt chất theo hướng dẫn tại Phụ lục 2
3	hoat_chat	Chuỗi	Ghi tên hoạt chất hoặc thành phần của thuốc theo kết quả trúng thầu.  - Đối với các thuốc đa chất thì ghi lần lượt từng tên hoạt chất, giữa các hoạt chất cách nhau bằng dấu cộng "+"  - Đối với chế phẩm thuốc đông y, thuốc từ dược liệu, các thành phần của thuốc cách nhau bằng dấu phẩy ","
4	ma_duong_dung	Chuỗi	Ghi mã đường dùng theo Bảng 3, Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 5084/QĐ-BYT
5	duong_dung	Chuỗi	Ghi đường dùng theo Bảng 3, Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Công văn số 5084/QĐ-BYT
6	ham_luong	Chuỗi	Ghi hàm lượng và đơn vị hàm lượng của thuốc theo kết quả trúng thầu. Đối với các thuốc đa chất thì ghi hàm lượng tương ứng với từng hoạt chất/thành phần tại trường số 3, giữa các hàm lượng cách nhau bằng dấu "+"
7	ten_thuoc	Chuỗi	Ghi tên thuốc theo kết quả trúng thầu
8	so_dang_ky	Chuỗi	Ghi mã số đăng ký theo hướng dẫn tại Phụ lục 2
9	dong_goi	Chuỗi	Ghi dạng đóng gói của thuốc (Ví dụ: hộp 20 viên ghi H/20)
10	don_vi_tinh	Chuỗi	Ghi đơn vị tính nhỏ nhất (Ví dụ: viên, gói, lọ, tube, hộp, gam)
11	don_gia	Số (12)	Ghi đơn giá của thuốc trúng thầu (tính trên đơn vị tính nhỏ nhất)
12	don_gia_tt	Số (12)	Ghi đơn giá bảo hiểm y tế thanh toán (tính trên đơn vị tính nhỏ nhất)
13	so_luong	Số (12)	Ghi số lượng thuốc trúng thầu
14	ma_cskcb	Chuỗi	Ghi mã cơ sở KCB theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Quyết định số 5084/QĐ-BYT của Bộ Y tế
15	hang_sx	Chuỗi	Ghi tên hãng sản xuất
16	nuoc_sx	Chuỗi	Ghi tên nước sản xuất
17	nha_thau	Chuỗi	Ghi tên đơn vị trúng thầu
18	quyet_dinh	Chuỗi	Ghi số quyết định trúng thầu
19	cong_bo	Date	Ghi ngày áp dụng kết quả trúng thầu
20	ma_thuoc_bv	Chuỗi	Ghi mã thuốc trong phần mềm sử dụng tại cơ sở KCB.

Lưu ý: Dữ liệu được lập trên bảng Excel, sử dụng phông chữ Unicode

BẢNG 2. CHỈ TIÊU VẬT TƯ Y TẾ THANH TOÁN BHYT

ТТ	Tên trường	Định dạng (độ dài)	Chú thích
1	stt	Số (6)	Số thứ tự từ 1 đến hết
2	ma_nhom_vtyt	Chuỗi	Ghi mã nhóm vật tư y tế theo quy định tại cột 3 của Phụ lục 5 ban hành kèm theo Công văn này
3	ten_nhom_vtyt	Chuỗi	Ghi tên nhóm vật tư y tế theo quy định tại cột 4 của Phụ lục 5 ban hành kèm theo Công văn này
4	ma_hieu	Chuỗi	Ghi mã hiệu sản phẩm in trên bao bì hoặc trên sản phẩm do nhà sản xuất đặt
5	ma_vtyt_bv	Chuỗi	Ghi mã vật tư y tế trong phần mềm sử dụng tại bệnh viện
6	ten_vtyt_bv	Chuỗi	Ghi tên vật tư y tế đang được thanh toán cho bệnh nhân tại phần mềm bệnh viện
7	quy_cach	Chuỗi	Ghi quy cách đóng gói của vật tư y tế (Ví dụ: 10 chiếc/hộp; 10 cái/túi)
8	nuoc_sx	Chuỗi	Ghi tên nước sản xuất
9	hang_sx	Chuỗi	Ghi tên hãng sản xuất
10	don_vi_tinh	Chuỗi	Ghi đơn vị tính nhỏ nhất
11	don_gia	Số (12)	Ghi đơn giá vật tư y tế trúng thầu
12	don_gia_tt	Số (12)	Ghi đơn giá vật tư y tế thanh toán BHYT
13	nha_thau	Chuỗi	Ghi tên đơn vị trúng thầu
14	quyet_dinh	Chuỗi	Ghi số Quyết định trúng thầu
15	cong_bo	Date	Ghi ngày áp dụng kết quả trúng thầu
16	dinh_muc	Số (5,2)	Ghi định mức sử dụng cho từng loại vật tư (nếu có) (Ví dụ: quả lọc thận nhân tạo sử dụng 06 lần ghi 6,00)
17	so_luong	Số (12)	Ghi số lượng vật tư y tế trúng thầu
18	ma_cskcb	Chuỗi	Ghi mã cơ sở KCB theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Quyết định số 5084/QĐ-BYT của Bộ Y tế

Lưu ý: Dữ liệu được lập trên bảng Excel, sử dụng phông chữ Unicode

#### PHŲ LŲC 2

## HƯỚNG DẪN ĐIỀN THÔNG TIN THUỐC, VẬT TỬ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Công văn số 908 /BYT-BH ngày \$2/02/2016 của Bộ Y tế)

#### 1. Mã thuốc tân dược thanh toán bảo hiểm y tế

#### 1.1. Mã hoạt chất:

- Thuốc đơn chất, thuốc đa chất có quy định trong Thông tư số 40/2014/TT-BYT được mã hóa bằng chuỗi ký tự chứa số Thông tư và số thứ tự tại cột 2 ( cột số thứ tự thuốc). Giữa số Thông tư và số thứ tự phân cách bằng dấu chấm ".";

Ví dụ: Thuốc Falipan có thành phần là Lidocain hydroclorid. Trong đó Lidocain (hydroclorid) có số thứ tự tại cột 2 trong Thông tư số 40 là 12. Mã hoạt chất của thuốc Falipan được mã hóa là "40.12".

- Thuốc đa chất chưa quy định trong Thông tư số 40/2014/TT-BYT được mã hóa bằng chuỗi ký tự chứa số Thông tư và số thứ tự của từng hoạt chất tại cột 1 (cột số thứ tự hoạt chất), giữa số Thông tư và số thứ tự hoạt chất phân cách bằng dấu chấm ".", giữa số thứ tự của từng hoạt chất tại cột 1 được phân cách nhau bằng dấu cộng "+".

Ví dụ: Thuốc Greatcet có thành phần Acetaminophen 325mg và Tramadol HCl 37,5mg. Trong đó Acetaminophen, Tramadol có số thứ tự tại cột 1 trong Thông tư số 40 lần lượt là 43 và 47. Mã hoạt chất của thuốc Greatcet được mã hóa là: "40.43+47".

- Thuốc phóng xạ và hợp chất đánh dấu được ghi theo Bảng 2, Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 5084/QĐ-BYT ngày 30/11/2015.
- 1.2. Mã đường dùng được quy định tại Phụ lục số 01 ban hành theo Quyết định số 5084/QĐ-BYT của Bộ Y tế.

#### 1.3. Mã số đăng ký:

- Trường hợp thuốc đã có số đăng ký do Cục Quản lý Dược cấp, mã số đăng ký là số đăng ký đã được cấp. Mã số đăng ký không chứa các ký tự đặc biệt như gạch chéo "/" hoặc ký tự trống " ".

Ví dụ: Thuốc Gramadol Capsules có số đăng ký là VD-8283-09 thì mã số đăng ký của thuốc Gramadol Capsules là "VD-8283-09".

- Trường hợp thuốc chưa có số đăng ký nhưng có giấy phép nhập khẩu do Cục Quản lý Dược cấp thì được mã hóa theo số giấy phép nhập khẩu, 2 ký tự cuối của năm cấp giấy phép và số thứ tự của thuốc đó trong danh mục thuốc được cấp phép nhập khẩu. Số giấy phép nhập khẩu, năm cấp phép và số thứ tự của thuốc được phân cách bằng dấu chấm ".". Mã mặt hàng thuốc không chứa các ký tự đặc biệt như "/" hoặc "-".

Ví dụ: Thuốc Aciclovir được cấp giấy phép nhập khẩu theo Công văn số 12628/QLD-KD ngày 21/10/2015, số thứ tự trong danh mục được cấp phép nhập khẩu là 23 sẽ được mã hóa là: "12628.KD.15.23".

#### - Thuốc tư bào chế

Thuốc tự bào chế được mã hóa theo chữ cái "TD" (tân dược), mã của cơ sở khám chữa bệnh, hai ký tự cuối của năm ban hành và số thứ tự của thuốc

trong danh mục thuốc tự bào chế do thủ trưởng cơ sở khám chữa bệnh ban hành, cách nhau bằng dấu chấm ".". Mã thuốc tự bào chế được ghi vào trường "so\_dang\_ky" của Bảng 1 Phụ lục 1

Ví dụ: Thuốc A được bào chế tại cơ sở khám chữa bệnh B có mã cơ sở khám chữa bệnh là 19010. Thuốc A có số thứ tự trong danh mục thuốc tự bào chế do thủ trưởng cơ sở khám chữa bệnh ban hành trong năm 2015 là 3; Mã thuốc tự bào chế A là "TD.19010.15.3".

#### 2. Mã thuốc y học cổ truyền thanh toán bảo hiểm y tế

- 2.1. Mã thành phần thuốc đối với chế phẩm thuốc đông y, thuốc từ dược liệu được quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Công văn này. Mã thành phần được ghi vào trường "ma hoat chat" của Bảng 1 Phụ lục 1.
- 2.2. Mã đường dùng được quy định tại Phụ lục số 01 ban hành theo Quyết định số 5084/QĐ-BYT của Bộ Y tế.
  - 2.3. Mã số đăng ký:
- Trường hợp thuốc đã có số đăng ký do Cục Quản lý Dược cấp, mã số đăng ký là số đăng ký đã được cấp. Mã số đăng ký không chứa các ký tự đặc biệt như gạch chéo "/" hoặc ký tự trống " ''.

Ví dụ: Thuốc Bình can ACP được Cục Quản lý Dược cấp số đăng ký là GC-220-14 thì mã số đăng ký là "GC-220-14".

- Thuốc tự bào chế

Thuốc tự bào chế được mã hóa theo chữ cái "CP" (chế phẩm), mã của cơ sở khám chữa bệnh, hai ký tự cuối của năm ban hành và số thứ tự của thuốc trong danh mục thuốc tự bào chế do thủ trưởng cơ sở khám chữa bệnh ban hành, cách nhau bằng dấu chấm ".". Mã thuốc tự bào chế được ghi vào trường "so\_dang\_ky" của Bảng 1 Phụ lục 1.

Ví dụ: Thuốc C được bào chế tại cơ sở khám chữa bệnh B có mã cơ sở khám chữa bệnh là 19010. Thuốc C có số thứ tự trong danh mục thuốc tự bào chế do thủ trưởng cơ sở khám chữa bệnh ban hành năm 2015 là 3. Mã thuốc tự bào chế C là "CP.19010.15.3".

#### 3. Mã vật tư y tế thanh toán bảo hiểm y tế

Mã vật tư y tế thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế là tổ hợp của mã nhóm vật tư y tế quy định tại cột 3 của Phụ lục 5 ban hành kèm theo Công văn này và mã hiệu sản phẩm được nhà sản xuất in trên bao bì hoặc trên sản phẩm; giữa mã nhóm vật tư y tế và mã hiệu sản phẩm cách nhau bằng dấu chấm ".".

Ví dụ: Khớp toàn phần nhân tạo các loại có mã nhóm vật tư y tế quy định tại cột 3 của Phụ lục 5 ban hành kèm theo Công văn này là N06.04.050.1, bộ khớp háng lưỡng cực Multipolar Bipolar có xi măng chuôi ngắn thuộc nhóm khớp toàn phần nhân tạo có 08 thành phần chi tiết được mã hóa như sau:

- 1. Vỏ đầu chỏm Bipolar (mã hiệu sản phẩm 5001-38) được mã hóa là: N06.04.050.1.5001-38
- 2. Lót đầu chỏm Bipolar (mã hiệu sản phẩm 5001-38-22) được mã hóa là: N06.04.050.1.5001-38-22

- 3. Chỏm khớp (mã hiệu sản phẩm 8011-01-22) được mã hóa là: N06.04.050.1.8011-01-22
- 4. Chuối khớp (mã hiệu sản phẩm 8011-00-05) được mã hóa là: N06.04.050.1.8011-00-05
- 5. Định vị trung tâm (mã hiệu sản phẩm 32-8333-55) được mã hóa là: N06.04.050.1.32-8333-55
- 6. Nút chặn (mã hiệu sản phẩm 8011-20-12) được mã hóa là: N06.04.050.1.8011-20-12
- 7. Bơm xi mặng (mã hiệu sản phẩm 5069-52) mã hóa là: N06.04.050.1.5069-52
  - 8. Xi măng (mã hiệu sản phẩm 1102-12) mã hóa là: N06.04.050.1.1102-12

#### PHŲ LŲC 3

#### HƯỚNG DẪN CẬP NHẬT DANH MỤC THUỐC, VẬT TƯ Y TẾ SỬ DỤNG TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH LÊN HỆ THỐNG QUẢN LÝ DANH MỤC DÙNG CHUNG

(Ban hành kèm theo Công văn số 908 /BYT-BH ngày22/02/2016 của Bộ Y tế)

#### Đăng nhập hệ thống

- Bước 1: Người dùng vào hệ thống theo đường link: dmdc.csdlyt.vn
- Bước 2: Nhập tên đăng nhập và mật khẩu theo quy tắc sau:

Tên đăng nhập: mã cơ sở khám chữa bệnh dmdc (ví dụ: 19002 dmdc)

(Mã cơ sở khám chữa bệnh được quy định tại Phụ lục số 8 Quyết định số 5084/QĐ-BYT ngày 30/11/2015 của Bô Y tế)

Mật khẩu: Vtict@123

- Bước 3: Người dùng thực hiện nhập mật khẩu mới (yêu cầu mật khẩu phải đầy đủ chữ thường, chữ hoa, số, ký tự đặc biệt và độ dài ít nhất 8 ký tự)

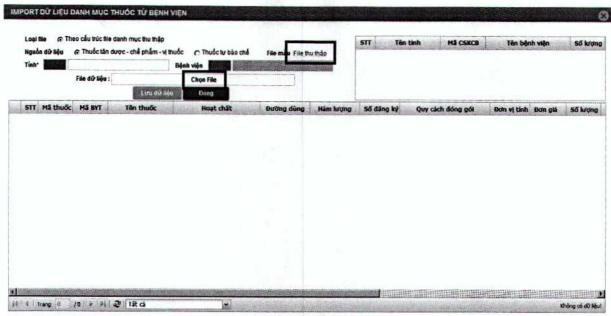
#### 1. Chuẩn hóa Danh mục thuốc

#### 1.1. Thêm mới dữ liệu thuốc tại cơ sở KCB

Ý nghĩa: Cho phép người sử dụng thêm mới dữ liệu danh mục thuốc tại bệnh viện bằng file excel.

Thao tác: Tại màn hình danh mục thuốc tại cơ sở KCB, nhấn chọn "Thêm dữ liêu" để thực hiện thêm mới dữ liêu, màn hình thêm mới hiển thi:

DANH SÁCH THUỐC TẠI BỆNH VIỆN						Them dir beu Xual Excel					NGƯỚN ĐỮ LIỆU (2 Danh mục huộc thanh toán BHY)										
Tinh Loc the	1	alica alica	2	Loại thuốc Tất : Hoạt chất Tất :		_	Bệnh viện TênMS	Tát 🗷	D	ing y	Lọc theo: Từ khóa:	Y	li că		- 1						
the l	SII	Må(CS)	HA BY	Tên thuốc	Hàm krơng	DVT	Đơn giá	Host chất	Burong o	Name and	STIHC S	m	MÃ	TÊN HOẠT CHẤT	DƯỚNG DÙNG	HÅ ATC	HANG	HỘI CHẤ			
101						_				E 3			05V.1	Bạch chi				0			
4		FEW23	40.6	Fentanyi Balan	0, ling	<b>Óng</b>		Fentanyl	Tiền #	E3 3		2	05V.2 05V.3	Các bán Bai bi				0			
10000		NAT274	40.1021	Natri dand F.kabi	0,9% 500ml	Chai	7.560		Tiền truy	E .			05V.4	De bi							
	3	NU0017	100	Nudc clit phe têm Pharb	Sni	<b>One</b>	980	AND THE RESERVE OF THE PARTY OF	Tiến	E 3		•	094.5	Ma hoing							
	•	POV004	40.656	Povidin lod (P.V.P lodin)	10%, 1000ml	Chai	88.200		Dùng ngc	0 3			054.6	Quédi				0			
distribution of the	5	PRO273	40.21	Propofol (Protovan)	1%,20rd	Greg .	ductions in the	Proportal	Tien	E 3		-	05V.7	Snh khurana			-1	0			
4		5.P003	40.2	Buptyscain Pháp Sing/Inl	STREET, SQUARE, ST.	- Čing	The state of the s	Supvisces Hydro .	Tien I	E 3		-	05V.B	Tied			- +	0			
		MIS005	40.921	Misoprostol Stade	200mcg	Wên	1000	Macprostol	Uáng a	E 3			054.9	Tế tiến				0			
~	-	CXY001	40.919	Oxytoch (Hungary) SUI	SULTANI	(Sng	3.720	Oxytoch	Tien	23		0	05V. 10	Thông bạch				0			
	,	OXY222		Oxy dute dung (thi)	- CONTROL -	uh	9	Charles and	- 1		1	1	05V.11	Tô đập				0			
100	10	PAR 165	40.48	Paracetamoi (Rifaxon)	1g/100ml	Cher	42.000		Tiêm	<b>1</b> 3	1	2	05V.12	Trầm				0			
	11	VIT110	40.448	Vitamin K	Img	One	2.625	the property of the same	Tiêm		1	3	05V. 13	Trầu không				0			
1100	12	01.015	40.67	Alpha chymotripsin 4,2m	8,4mg	viên	1.200	Alphachymotripsin	Lieng	0 3	1	4	05V.14	Sec hà				0			
4	13	01.209	40.41	Melasscam 7,5mg		viên	1.780		Lieng	<b>6</b> 6	1	5	05V.15	Cát cần				0			
1	14	01.264	40.55	Piroxicam 20mg	1	viên	13,500		Uting	<b>8</b> 9	1	6	05V. 16	Cốc trín thảo				0			
	15	01.370	40.726	Lactobacilus 1g	10 m2 8 CPU	Gå		Lectobecilus acid	Uống 🥳	0 =	1	7	05V. 17	Cúc hoa				0			
1000	16	01.38360	40.697	Drotaverine 40mg		Viên	368		USing S	100	1	8	05V. 18	Cúc tần				0			
4	17	01.401	40.227	Clorofloxacin 200mg/100		dw	11.025		Tiềm	四日	1	9	05V. 19	Dam đầu xi				0			



Bước 1: Tại màn hình thêm mới này, người dùng thực hiện tải file mẫu tại link "File thu thập" để nhập thông tin danh mục theo phụ lục 1, sau đó chọn các thông tin cần thiết, nhấn chọn đến file excel đã có tại link "Chọn file" để thực hiện thêm dữ liệu vào hệ thống.

Bước 2: Hệ thống thực hiện đọc dữ liệu file excel, nhấn "Lưu dữ liệu" để thực hiện thêm dữ liệu vào hệ thống, nhấn "Đóng" để hủy bỏ thao tác.

#### 1.2. Chuẩn hóa thuốc bệnh viện

Ý nghĩa: Cho phép người sử dụng chuẩn hóa thủ công dữ liệu danh mục thuốc tại bệnh viện với danh mục hoạt chất và đường dùng theo thông tư 40, 05 (thực hiện đối với các thuốc sai tên, đường dùng...).

Thao tác: Vào chức năng Chuẩn hóa danh mục → Danh mục thuốc. Màn hình thông tin hiển thị như sau:

DANH SÁCH THUỘC TẠI BỆNH VIỆN XIẤT LÝCH THƠNG ĐƠ LƯỢC XIẤT LÝCH L										September 1	NGUỐN ĐỮ LIỆU [2 Danh m							c thuốc thanh toán BHY			
Tinh Lọc theo	Tắt cả Tất cả	*		Bệnh viện Tắt cả 🔀 Tên/Mã		Đồng Ý			Loctheo: Từ khóa:		lt cå										
3	Mã(CS	Mã BY	Tên thuốc	Hàm lượng	OVT	Dơn giá	Hoat chilt	Đường c	1 23		STIHC ST	11	MĀ	TÊN HOẠT CHẤT	DƯỚNG ĐỦNG	MÃ ATC	HANG	HỘT CHẨN			
THE STATE OF	100							1	-				09V.1	Bech chi	The state of the s			0			
] 🗸 :	FEN023	40.6	Fentanyi Balan	0,1mg	<b>Ong</b>	A London	Fentanyl	Tiểm #	ann i		1		05V.2	Các bản	4			0			
<b>√</b> 2	NAT274	40.1021	the state of the s	0,9% 500ml	Chai	7.560		Tiểm truy		3	1		05V.3	Delhi				0			
3 4 3	NU0017	40.1028		Smi	<b>Óng</b>	980		Tiềm	-	3			05V.4	Kinh gið				0			
V 1	POV004	40.656	Povidin led (P.V.P ledin)	10%, 1000ml	Chai	THE RESERVE	Povidon iod	Dung ngc	-	3	5		05V.5	Ma hoàng Quế đi			-				
<b>√</b> 5	PR0273	40.21	Propofol (Protoven)	1%,20ml	óng	STREET, STREET, STREET,	Propoful	Tiem	0	3	- 6	-	05V.7	Sinh khương			- 4	۰			
1 4 0	8UP003	40.2	Suplyacain Pháp Sing/ini	0,5% /4%	6ng	-	Bupivecan Hydro	Tên 1	-	9			059.8	ran a							
4,	M25005	40.921	Macprostol Stada	200ecg	Wên	4.000	Magrostal	Liding		3			054.9	Tế tiện			- 4				
1 4 8	CK1001	40.919	Oxytoch (Hungary) SUI	9.0/14	<b>One</b>	3.720	Oxytocin	Tién i		3	-		054.10	Thông bạch	1						
9	OKY222	1	Oxy dutps dung (thi)		Lit	9		100				24	094.11	Tê dêp							
3 4 1	0 PAR165	40.48	Paracetamol (Rifaxon)	1g/100ml	Chai	42.000	Paracetanol	Tiès	5	200	-	-	09V.12	Trân	1						
3 4 1	1 VIT110	40.446	Vitamin K.	ing	Čng .	2.625	Phytomenadion (V	Tên		3			09V.13	Tribu không							
3 4 1	2 01.015	40.67	Alpha chymotripsin 4,2m	8,4mg	viên	1.200	Alphachymotripsin	Uống	3.777.5		1000		05V.14	Rechè							
1 / 1	3 01.209	40.41	Melancam 7,5mg		viën	1.780		Lifing	4.757.4	3	1	5	05V.15	Cát cần				0			
1 / 1	4 01.264	40.55	Pirexicam 20mg		with	13.500		Uling	1 1	3	1000	n fami	09V.16	Cốc trên thảo				0			
9 4 1	5 01.370	40.726	Lactobacilus Ig	10 mi 8 CPU	GB	1.260	Lectobecike ecid	Uống 📆		OH .	1	,	05V.17	Cúc hos				0			
1 / 1	6 01.38360	40.697	Drotaverine 40mg		Wên	368		Lifing 3	0		11	8	05V.18	Cức tần				0			
1 1	7 01.401	40.227	Oprofloxacin 200mg/100		dwi	11.025		Tiên S	10				05V.19	Đem đầu xi				0			

Quy trình chuẩn hóa thủ công:

Bước 1: Người dùng thực hiện tìm kiếm các thuốc chưa chuẩn hóa (thuốc chưa có mã BYT, cần kiểm tra lại) ở màn hình bên trái.

- Bước 2: Tìm danh mục thuốc trong danh mục chuẩn của BYT (ở màn hình bên phải).
- Bước 3: Sau khi chọn đúng thuốc trong danh mục của BYT, nhấn "Đồng ý" để thực hiện chuẩn hóa.

Chú ý: Người dùng có thể chọn danh mục thuốc để loại bỏ không thực hiện chuẩn hóa bằng cách chọn danh mục muốn loại bỏ không chuẩn hóa và nhấn **Loại bỏ**.

#### 2. Danh mục vật tư y tế

#### 2.1. Thêm mới danh mục vật tư y tế tại cơ sở KCB

- Ý nghĩa: Cho phép người import file danh mục vật tư y tế của cơ sở khám chữa bệnh lên hệ thống.
- Thao tác: Tại màn hình danh mục vật tư y tế tại cơ sở KCB, nhấn chọn "Thêm dữ liệu" để thực hiện thêm mới dữ liệu, màn hình thêm mới hiển thi:

SALINOMONY MAKANING SALINA MAKANING SALINA MAKANING SALINA MAKANING SALINA MAKANING SALINA MAKANING SALINA MA	VẬT TƯ Y TẾ TỪ CÁC CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆN	
Tính*		]
Chưa có file nào được chọn	Chọn File	_
	<u>Tåi fil</u>	e må

Bước 1: Nhập thông tin Tỉnh và chọn file dữ liệu cần import lên hệ thống (file mẫu để điền thông tin danh mục theo phụ lục 1 có thể tải từ link "Tải file mẫu").

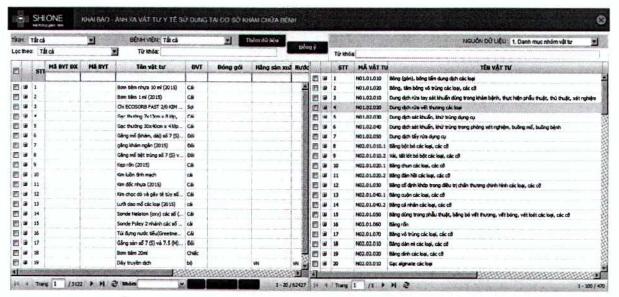
Bước 2: Chọn "Lưu dữ liệu" để lưu dữ liệu danh mục vật tư y tế của cơ sở KCB.

Xuất dữ liệu: Cho phép người dùng có thể xuất dữ liệu danh mục vật tư y tế của cơ sở KCB ra file excel.

#### 2.2. Khai báo - chuẩn hóa vật tư y tế tại bệnh viện

Ý nghĩa: Cho phép người sử dụng có thể tìm kiếm, thêm dữ liệu hoặc xuất dữ liệu danh sách vật tư y tế bệnh viện; thực hiện chuẩn hóa vật tư y tế bệnh viện với danh mục nhóm vật tư y tế theo quyết định 5084.

Thao tác: Vào chức năng chuẩn hóa danh mục → Danh mục vật tư y tế. Màn hình hiển thị như sau:



#### Quy trình chuẩn hóa thủ công:

Bước 1: Chọn vật tư y tế cần chuẩn hóa trong danh sách vật tư y tế của cơ sở KCB → tên VTYT cần chuẩn hóa sẽ được đưa vào ô text để tực hiện tìm kiếm VTYT đó bên danh mục vật tư y tế theo quyết định 5084.

Bước 2: Tích chọn VTYT tương ứng ở danh mục vật tư y tế theo quyết định 5084 ở màn hình bên phải

Bước 3: Chọn "Đồng ý" để hoàn thành thao tác chuẩn hóa.

